

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 -BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HS-ST
Ngày 05 tháng 01 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bào

Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 171/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2025 đối với:

1. Bị cáo: Nguyễn Văn N, sinh ngày 15/12/1968; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, tỉnh Lạng Sơn.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ học vấn: 7/12.

- Họ và tên cha: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1933 (đã chết)

- Họ và tên mẹ: Hoàng Thị P, sinh năm 1934 (đã chết)

- Anh chị em ruột: Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ năm.

- Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1970

- Con: có 02 con, lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1991.

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

- Bị cáo đầu thú, không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. **(Có mặt tại phiên tòa)**

2. Bị hại:

Công ty Cổ phần K

Địa chỉ trụ sở: Tầng B tòa I, số A đường P, phường T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trương Minh T1 – chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quốc P1, sinh năm 1985 – Chức vụ: Quản lý an toàn công ty Cổ phần K. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

3. Người làm chứng:

Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01 năm 2025, Công ty K, địa chỉ: tầng B tòa I, số A đường P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội) ký hợp đồng xây dựng với Công ty TNHH F, địa chỉ: Khu công nghiệp Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) xây dựng toà nhà B12 và toà nhà B13 tại Khu công nghiệp Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh). Công ty cổ phần K ký hợp đồng bảo vệ với Công ty D, địa chỉ: Nhà A N Khu đô thị M, đường H, phường V, quận L, thành phố Hà Nội (nay là phường V, thành phố Hà Nội). Sau đó, Công ty D, phân công Nguyễn Văn N, sinh năm 1968, trú tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã N, tỉnh Lạng Sơn) đến bảo vệ tại công trường xây dựng của Công ty TNHH F ở khu công nghiệp Q, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 04/5/2025, Năm làm ca ngày từ 06 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút. Sau khi tan ca làm, Năm về phòng trọ để nghỉ ngơi, trên đường đi về phòng trọ Năm nhớ ra quên bình đựng nước tại công trường nên quay lại lấy. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày 04/5/2025, khi N quay lại công trường đi vào khu vực tầng 1 toà nhà B12 lấy bình nước, sau khi lấy được bình nước Năm thấy tại khu vực sàn chiếu nghỉ cửa ra vào tầng 1 toà B12 có 01 cuộn dây cáp điện mã “LF-CV 0.6/1kV 25 mm²x4C” có vỏ bên ngoài bằng nhựa màu đen, bên trong có vỏ bọc nhựa chống cháy màu trắng quấn quanh 04 lõi dây kim loại màu vàng-hồng, chiều dài 11m, trọng lượng 14,2kg chưa qua sử dụng là tài sản của Công ty K. Quan sát xung quanh thấy không có người Năm nảy sinh ý định lấy trộm cuộn dây cáp điện trên bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Năm đi bộ đến vị trí cuộn dây cáp điện dùng tay phải nhấc cuộn dây cáp điện trên cho lên vai rồi mang ra khu vực hàng rào để ném ra ngoài công ty. Khi Năm mang cuộn dây cáp điện trên đến khu vực hàng rào bằng tôn gần cửa phụ khu B trong công trường để ném ra ngoài nhưng chưa kịp ném thì bị anh Trần Văn Đ, sinh năm 1986, trú tại thôn Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) là bảo vệ của công ty đi kiểm tra an ninh phát hiện. Bị phát hiện, Năm vứt lại cuộn dây cáp điện vào sát hàng rào phía trong công ty rồi bỏ chạy ra khỏi công ty qua cửa phụ khu B10. Thấy vậy, anh Đ không đuổi theo mà báo cho Công ty K biết và đến Đoàn Công an Q1 trình báo giao nộp cuộn dây cáp điện Năm lấy trộm phục vụ công tác điều tra.

Ngày 05/5/2025, Nguyễn Văn N đến Đoàn Công an Q1 đầu thú khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A12 màu đen phục

vụ công tác điều tra. Đoàn Công an Q1 tiến hành kiểm tra điện thoại thu giữ của Năm, kết quả: không phát hiện nội dung liên quan đến hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật khác. Sau đó, Đoàn Công an Q1 chuyển giao Năm cùng tài liệu, vật chứng có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh) để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 09/9/2025, Cơ quan điều tra tiến hành cho Năm nhận dạng cuộn dây cáp điện do Công ty K giao nộp, kết quả: Năm nhận ra và xác định cuộn dây cáp điện công ty giao nộp là cuộn dây cáp điện Năm đã trộm cắp.

Ngày 28/10/2025, Cơ quan điều tra tiến hành cho anh Trần Văn Đ nhận dạng người thực hiện hành vi trộm cắp trong đó có ảnh của N, kết quả anh Đ nhận ra và khẳng định Năm là người thực hiện hành vi trộm cắp nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 62 ngày 13/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bắc Ninh kết luận: 01 cuộn dây cáp điện lực dài 11m, mã LF-CV0.6/1kV25mm²x4C chưa qua sử dụng trị giá 3.258.871 đồng.

*Tại Bản cáo trạng số 52/CT-VKS -KV2 ngày 25/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận về hành vi phạm tội của mình như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho UBND xã N, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

-Hình phạt bổ sung: Không

-Về xử lý vật chứng: Không

-Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Bắc Ninh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người làm chứng vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra đã có lời khai, nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi thực hiện: Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn N tại phiên tòa hôm nay phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày 04/5/2025, tại khu vực 1 Toà nhà B12 công trường xây dựng Công ty TNHH F, ở Khu công nghiệp Q, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Bị cáo Nguyễn Văn N có hành vi trộm cắp 01 cuộn dây cáp điện mã “LF -Cv 0.6/1kV25mm² x4C”, vỏ ngoài bằng nhựa màu đen, bên trong có vỏ bọc nhựa chống cháy màu trắng quấn quanh 04 lõi dây kim loại màu vàng - hồng, chiều dài 11 m, trọng lượng 14.2kg, chưa qua sử dụng, có giá 3.258.871 đồng là tài sản của công ty cổ phần K, đang thi công xây dựng công trình trên.

Bị cáo Nguyễn Văn N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng sơ hở của người khác đã có hành vi lén lút để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy:

Bị cáo đã có hành vi lén lút để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, còn gây mất trật tự trị an xã hội, làm dao động trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần có hình phạt phù hợp để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không phải áp dụng hình phạt bổ sung, do không có thu nhập ổn định.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, xét thấy bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi

phạm tội của mình, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục bồi thường dân sự, đầu thú, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,

i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn N đã tự nguyện bồi thường cho công ty K số tiền 2.000.000 đồng, bị hại không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên HĐXX không xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án: Điện thoại thu giữ là tài sản của bị cáo không dùng vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả trả cuộn dây cho công ty cổ phần K và đã trả lại điện thoại di động cho bị cáo. HĐXX không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và quy định tại Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo theo Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 - Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 08 (T2) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho UBND xã N, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh ;
- VKSND Khu vực 2 -Bắc Ninh;
- Trại tạm giam số 2-Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sự

